

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 251/2006/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại Tờ trình số 4650/TT-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2005 và Tờ trình số 2314/UBND-SKHĐT ngày 08 tháng 5 năm 2006 và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5696/BKH-TĐ&GSĐT ngày 03 tháng 8 năm 2006 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 bảo đảm nguyên tắc phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, của Vùng miền Trung; xây dựng Khánh Hòa trở thành trung tâm của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; bảo đảm mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đặc biệt là giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ hộ nghèo, làm tốt công tác dân tộc, tôn giáo; giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng, củng cố hệ thống chính trị, nền hành chính nhà nước và bảo vệ môi trường.

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; hình thành những ngành sản xuất và dịch vụ có năng suất và hàm lượng giá trị gia tăng cao, những vùng động lực phát triển của Tỉnh; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở phát huy các thế mạnh, lợi thế của Tỉnh; huy động tối đa nội lực đi đôi với thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài, nhất là vốn đầu tư, khoa học - công nghệ và phát triển thị trường. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh.

Đầu tư phát triển toàn diện, kết hợp đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá và phát triển nông thôn; giảm dần sự chênh lệch về phát triển giữa các vùng trong Tỉnh.

Thực hiện chiến lược phát triển con người, nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, nhất là đồng bào vùng miền núi và các đối tượng chính sách.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN.

1. Về phát triển kinh tế:

Duy trì và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn so với mức bình quân chung của cả nước. Tốc độ tăng GDP thời kỳ 2006 - 2010 khoảng 12%/năm, thời kỳ 2011 - 2015 khoảng 12,5%/năm, thời kỳ 2016 - 2020 khoảng 13%/năm. Tổng GDP của tỉnh (giá so sánh 1994) đạt 13.226 tỷ đồng vào năm 2010; đạt 23.834 tỷ đồng vào năm 2015 và đạt 43.913 tỷ đồng vào năm 2020. GDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt 19,477 triệu đồng vào năm 2010, đạt 32,777 triệu đồng vào năm 2015 và đạt 56,71 triệu đồng vào năm 2020.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp. Cơ cấu kinh tế năm 2010 là công nghiệp - xây dựng 43,5%; nông - lâm - ngư nghiệp 13%; dịch vụ 43,5%. Năm 2015 là: công nghiệp - xây dựng 45%; nông - lâm - ngư nghiệp 8%; dịch vụ 47%. Đến năm 2020 là: công nghiệp - xây dựng 47%; nông - lâm - ngư nghiệp 6%; dịch vụ 47%.

Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước thời kỳ 2006 - 2010 khoảng 22% GDP, thời kỳ 2011 - 2015 khoảng 22-23% GDP, thời kỳ 2016 - 2020 khoảng 24% GDP.

Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 18%/năm giai đoạn 2006 - 2010, tăng 15 - 16%/năm giai đoạn 2011 - 2020. Phấn đấu đến năm 2010, kim ngạch xuất khẩu đạt 1 tỷ USD và đến năm 2020 đạt khoảng 3,2 - 3,5 tỷ USD.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội thời kỳ 2006 - 2010 đạt 38 - 40% GDP, thời kỳ 2011 - 2020 khoảng 40 - 45% GDP.

2. Về phát triển xã hội:

Tỷ lệ tăng dân số thời kỳ 2006 - 2010 là 1,6 - 1,7%, thời kỳ 2011 - 2020 khoảng 1,4 - 1,5%. Giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống 4,2% vào năm 2010 và xuống dưới 4% vào năm 2020, nâng cao tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn.

Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 68,5 - 70%, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khoảng 70%; mức sống bình quân đầu người, cơ cấu kinh tế và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đạt tiêu chuẩn của đô thị loại I.

Đẩy mạnh các chương trình quốc gia về văn hóa, y tế, nâng cao chất lượng giáo dục, hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Xã hội hóa giáo dục, tăng cường đầu tư trường lớp, đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Nâng cao chất lượng nguồn lao động, đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2010 đạt khoảng 40%; năm 2020 đạt khoảng 60 - 70%. Đến năm 2010, có 80% lao động sau khi đào tạo có việc làm, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3%.

3. Về bảo vệ môi trường:

Phòng ngừa có hiệu quả ô nhiễm môi trường, giữ gìn môi trường biển và ven biển để phát triển du lịch. Cải thiện chất lượng môi trường, bảo đảm nguồn nước hợp vệ sinh và đến năm 2010, khoảng 96% dân số được sử dụng nước sạch, thu gom và xử lý 100% rác thải sinh hoạt, quản lý và xử lý 100% chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế. Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường. Tăng cường năng lực quản lý môi trường.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ CÁC SẢN PHẨM CHỦ LỰC.

1. Phát triển du lịch.

Phát triển du lịch thành một ngành kinh tế có đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế của Tỉnh. Duy trì tăng trưởng doanh thu du lịch bình quân 16%/năm, tăng trưởng về lượt khách du lịch bình quân 10%/năm.

Phát triển mạnh du lịch quốc tế, lấy du lịch quốc tế làm động lực thúc đẩy du lịch nội địa và các ngành dịch vụ phát triển. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, trong đó tập trung vào du lịch văn hóa Chăm và văn hóa Sa Huỳnh; du lịch nghỉ ngơi giải trí và thể thao, du lịch cuối tuần; du lịch cảnh quan ven biển, trú đông nghỉ dưỡng; du lịch sinh thái; du lịch kết hợp với hội nghị, hội thảo. Đẩy mạnh xúc tiến và tiếp thị du lịch, xây dựng và quảng bá thương hiệu du lịch Khánh Hòa ra thị trường thế giới, tìm kiếm mở rộng thị trường mới. Chú trọng đầu tư tại Nha Trang, Vân Phong, Cam Ranh,... một số khu, điểm du lịch tầm cỡ quốc tế, có khả năng cạnh tranh với một số trung tâm du lịch biển lớn của các nước lân cận. Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng, dịch vụ phục vụ du lịch. Tổ chức các tuyến du lịch và nối các tuyến du lịch trong tỉnh với các tuyến du lịch của cả nước. Từng bước nâng cao tiêu chuẩn của ngành du lịch ngang tầm quốc tế.

2. Phát triển các ngành dịch vụ: huy động mọi khả năng, nguồn lực để phát triển các ngành dịch vụ. Nhịp độ tăng trưởng khối ngành dịch vụ bình quân thời kỳ 2006 - 2010 là 13,8%/năm, thời kỳ 2011 - 2015 là 13,1%/năm, thời kỳ 2016 - 2020 là 12,8%/năm. Trong đó, tập trung phát triển các ngành dịch vụ chủ yếu sau:

- Dịch vụ vận tải: đầu tư xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong có thể tiếp nhận tàu container trọng tải từ 4.000 - 6.000 TEU. Năng lực hàng hóa thông qua đạt 500 nghìn TEU trong giai đoạn trước năm 2010, đạt 1,0 triệu TEU trong giai đoạn từ 2010 trở đi và đạt khoảng 4,5 triệu TEU vào năm 2020. Mở rộng, nâng cấp sân bay Cam Ranh thành sân bay quốc tế; có thể đón 1 triệu lượt khách vào năm 2010 và khoảng 2 triệu lượt khách vào năm 2020.

- Thương mại và kinh doanh xuất nhập khẩu: phát triển thương mại, từng bước hiện đại, bảo đảm lưu thông hàng hóa nhanh, thuận tiện, kích thích sản xuất phát triển. Tập trung củng cố mạng lưới thương nghiệp toàn khu vực. Khuyến khích mọi thành

phần kinh tế kinh doanh theo cơ chế thị trường và đúng pháp luật. Xây dựng các trung tâm thương mại - dịch vụ hiện đại tại Nha Trang và Cam Ranh. Hoàn thiện mạng lưới chợ, đặc biệt là các chợ trung tâm thành phố Nha Trang và các huyện. Hình thành khu vực chợ đầu mối tại phía Tây thành phố Nha Trang. Xây dựng ở mỗi huyện từ 1 - 2 chợ trung tâm và khu vực, hoàn chỉnh hệ thống chợ ở nông thôn. Về xuất khẩu, chuyển dịch theo hướng tăng các sản phẩm công nghiệp chế biến có giá trị gia tăng cao. Nghiên cứu quy hoạch xây dựng trung tâm giao dịch thương mại quốc tế tại Nha Trang.

- Các ngành dịch vụ khác như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ tư vấn, công nghệ thông tin và phần mềm, nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, cung ứng vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp.v.v...

3. Phát triển công nghiệp.

Phát triển công nghiệp với nhịp độ cao và ổn định. Nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm tính theo giá trị gia tăng thời kỳ 2006 - 2010 là 14%, thời kỳ 2011 - 2020 là 14,6%. Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch theo hướng tập trung phát triển mạnh 8 nhóm ngành sản phẩm: chế biến thủy sản; chế biến nông sản; chế biến lâm sản và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; khai thác - chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng; dệt may, phụ liệu may, giày dép; sản xuất bia, nước giải khát nước khoáng; cơ khí, điện tử, đóng và sửa chữa tàu biển; công nghệ thông tin và các ngành công nghiệp khác. Phát triển mạnh công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp truyền thống. Khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ quản lý, tăng nhanh tỷ lệ sản phẩm công nghiệp đã qua chế biến, nâng cao giá trị các sản phẩm.

Từ nay đến năm 2010, hình thành 5 khu công nghiệp trên địa bàn: suối Dầu, Ninh Thủy, Nam Cam Ranh, Bắc Cam Ranh, Vạn Ninh. Hình thành một số khu công nghiệp vừa và nhỏ có quy mô 40 - 50 ha như: khu dịch vụ hậu cần nghề cá Bắc Hòn Ông và khu công nghiệp Đắc Lộc tại thành phố Nha Trang, khu công nghiệp Diên Phú tại huyện Diên Khánh, khu công nghiệp Ninh Xuân tại huyện Ninh Hòa, KCN Sông Cầu tại huyện Khánh Vĩnh.